

Số: **74** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **02** tháng **7** năm **2021**

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các quy định có liên quan, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Kết luận số 04/KL-KTrVB ngày 21/01/2021 của Cục Kiểm tra Văn bản quy phạm pháp luật (thuộc Bộ Tư pháp) thì thẩm quyền quyết định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở là thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN: *“Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Thông tư này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, ban hành các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở để thực hiện thống nhất trong phạm vi Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với nguồn lực, đặc thù hoạt động KH&CN của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và không vượt quá định mức dự toán quy định tại Thông tư này”*.

Theo đó, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm căn cứ cho việc xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết với hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm minh bạch, các nguyên tắc xác định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với khả năng, nguồn lực, đặc thù,

trình độ hoạt động khoa học và công nghệ của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Được sự thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 71/HĐND-KTNS ngày 19/4/2021 về chủ trương xây dựng Nghị quyết, UBND tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 106/BC-STP ngày 11/6/2021; đồng thời, UBND tỉnh đã họp cho ý kiến thống nhất trình HĐND tỉnh.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN, tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo đúng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN; trong đó, mức hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

b) Định mức dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định (Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thành viên thực hiện chính; Thư ký khoa học, Thành viên).

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Định mức dự toán thuê chuyên gia trong nước theo ngày công đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh không quá 28.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày làm việc/tháng).

Tổng định mức dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Tổng định mức dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước theo hợp đồng khoán việc không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

3. Định mức dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

4. Định mức dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (*chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

5. Định mức dự toán quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Định mức dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 3,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 140 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 70 triệu đồng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở.

Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi tiền công của các Hội đồng (*chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo*).

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Tổng định mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 4 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN được phân bổ hàng năm theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua (kèm theo dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định số 106/BC-STP ngày 11/6/2021 của Sở Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (25 bản);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban: Văn hóa-Xã hội, Kinh tế-
Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các Sở: Khoa học và Công nghệ,
Tư pháp, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc581}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

10

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
(Kèm theo Tờ trình số **74** /TTr-UBND ngày **02** /7/2021 của UBND tỉnh)



Phục lục 1

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày	
		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	0,33
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,34	0,20
3	Thành viên	0,18	0,11
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,11	0,07

Phục lục 2

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Hội thảo khoa học cấp tỉnh	Hội thảo khoa học cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.000	600
2	Thư ký hội thảo	Buổi	350	210
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.400	840
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	700	420
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi	150	90

Phục lục 3

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
-----	--------------------	-------------	-------------------------

1	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch Hội đồng		500
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		350
-	Thư ký hành chính		100
-	Đại biểu được mời tham dự		70
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150

Phục lục 4*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		700	420
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		560	340
-	Thư ký hành chính		200	120
-	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350	210
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	120
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.050	630
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		700	420
-	Thư ký hành chính		200	120
-	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	210
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	300
-	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	210
-	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	120
-	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	90
4	Chi Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ)			
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		500	250
-	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		350	170
-	Thư ký hành chính		100	50
-	Đại biểu được mời tham dự		70	30
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
		nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250	120
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150	80
5	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.050	630
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700	420
-	Thư ký hành chính		200	120
-	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	210

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày....tháng....năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày tháng ... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Đại biểu ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS (01).A180.

CHỦ TỊCH**Bùi Thị Quỳnh Vân**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND
ngày...../.....2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN, tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên

tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Trong đó, mức hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh được quy định như sau:

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày	
		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	0,33
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,34	0,20
3	Thành viên	0,18	0,11
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,11	0,07

b) Định mức dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định (Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thành viên thực hiện chính; Thư ký khoa học, Thành viên).

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước:

Định mức dự toán thuê chuyên gia trong nước theo ngày công đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh không quá 28.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày làm việc/tháng).

Tổng định mức dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước:

Tổng định mức dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước theo hợp đồng khoán việc không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này

3. Định mức dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Hội thảo khoa học cấp tỉnh	Hội thảo khoa học cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.000	600

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Hội thảo khoa học cấp tỉnh	Hội thảo khoa học cấp cơ sở
2	Thư ký hội thảo	Buổi	350	210
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.400	840
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	700	420
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi	150	90

4. Định mức dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
1	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch Hội đồng		500
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		350
-	Thư ký hành chính		100
-	Đại biểu được mời tham dự		70
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150

5. Định mức dự toán quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Định mức dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 3,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 140 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 70 triệu đồng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở.

Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi tiền công của các Hội đồng quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		700	420
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		560	340
-	Thư ký hành chính		200	120
-	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350	210
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	120
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.050	630
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700	420
-	Thư ký hành chính		200	120
-	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội		500	300

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	đồng			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	210
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	300
-	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	210
-	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	120
-	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	90
4	Chi Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ)			
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		500	250
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		350	170
-	Thư ký hành chính		100	50
-	Đại biểu được mời tham dự		70	30
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250	120
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150	80
5	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.050	630

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700	420
-	Thư ký hành chính		200	120
-	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	210

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Tổng định mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 4 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng.

Chương III **NGUỒN KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện: Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN được phân bổ hàng năm theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.